

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2018/HSPT
Ngày 24 tháng 7 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Đức, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 169/2018/TLPT-HS ngày 06/3/2018 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng nghị.

Bị cáo: **Huỳnh Thị Thiên N**, sinh ngày 12/9/1987; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 73, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Huỳnh Thiên A và bà Lê Thị L, có chồng là Lê Văn V và 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/7/2016; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trương Thị Bích T - Văn phòng Luật sư Trương Thị Bích T thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Thiên N theo yêu cầu của Tòa án; Luật sư T có mặt.

Người bị hại đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn M (còn gọi S), sinh năm 1950; trú tại: Thôn 2, T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại (Tòa án cấp phúc thẩm có Giấy triệu tập): Ông Thái V, sinh năm 1956; trú tại thôn L, H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người bị hại (Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập):

1. Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1990; Đăng ký nhân khẩu thường trú: tỉnh Quảng Bình; Tạm trú: quận C, thành phố Đà Nẵng.
2. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1955; trú tại: thành phố Đà Nẵng.
3. Bà Hồ Thị Thu H, sinh năm 1988; trú tại: Thôn 5, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
4. Bà Trần Thị Kim N1, sinh năm 1987; trú tại: thôn Q 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
5. Bà Trần Thị Kim H1, sinh năm 1991; trú tại: thôn Q 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
6. Bà Đoàn Thị Như T1, sinh năm 1990; Trú tại: Thôn 1, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
7. Bà Võ Thị Thúy P, sinh năm 1990; trú tại: Đ, Đ, Quảng Nam.
8. Bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1989; trú tại: Thôn 2, T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
9. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1993; Trú tại: thành phố Đà Nẵng.
10. Bà Nguyễn Thị Duyên C, sinh năm 1994; trú tại: thành phố Đà Nẵng.
11. Bà Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1982; trú tại: thành phố Đà Nẵng.
12. Ông Nguyễn Viết Q, sinh năm 1966; trú tại: Thôn Y, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.
13. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1994; trú tại: Thôn Y 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.
14. Ông Nguyễn Viết S, sinh năm 1962; trú tại: Thôn Y 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.
15. Bà Lê Thị T4, sinh năm 1993; trú tại: tỉnh Quảng Trị.
16. Bà Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1968; trú tại: thành phố Đà Nẵng.
17. Bà Trần Thị M, sinh năm 1986; trú tại: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
18. Ông Cao Quốc D, sinh năm 1995; trú tại: huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
19. Ông Trần Đình N, sinh năm 1965; trú tại: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
20. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1968; trú tại: thôn 1 T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

21. Bà Trần Thị S, sinh năm 1962; trú tại: thôn 2, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
22. Ông Trần Hữu T, sinh năm 1991; trú tại: tỉnh Quảng Nam.
23. Ông Nguyễn Tấn N1, sinh năm 1991; trú tại: thành phố Đà Nẵng.
24. Bà Trần Thị P1, sinh năm 1991; trú tại: Thôn 2, T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
25. Bà Trần Thị H3, sinh năm 1982; trú tại: Thôn 2 T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
27. Ông Võ Ngọc T1, sinh năm 1990; trú tại: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
28. Ông Nguyễn Đắc Thành N2, sinh năm 1991; trú tại: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
29. Ông Trà Thanh D1, sinh năm 1992; trú tại: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
30. Ông Trần Quốc H, sinh năm 1993; trú tại: thôn 5 , xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
31. Bà Phạm Thị H4, sinh năm 1965; trú tại: huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
32. Bà Phạm Thị H5, sinh năm 1968; trú tại: huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
33. Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1987; trú tại , thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
34. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1993; Trú tại: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
35. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1987; trú tại: thôn 5 , xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
36. Ông Nguyễn Anh T3, sinh năm 1990; trú tại: huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
37. Ông Lê Hoàng A, sinh năm 1989; trú tại: xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.
38. Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1969; trú tại: thành phố Đà Nẵng.
39. Ông Trương Đình Hoàn T4, sinh năm 1989; trú tại: huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
40. Bà Phạm Thị Vân O, sinh năm 1991; trú tại: huyện H, thành phố Đà Nẵng.
41. Ông Lê Minh V1, sinh năm 1994; trú tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

42. Bà Phan Thị Bích P2, sinh năm 1993; trú tại: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

43. Ông Phạm Tiến N3, sinh năm 1993; trú tại: thành phố Đà Nẵng.

44. Bà Lương Thị Thanh T5, sinh năm 1989; trú tại: thành phố Đà Nẵng.

45. Bà Nguyễn Thị Bích T6, sinh năm 1981; trú tại: xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

46. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956; trú tại: thành phố Đà Nẵng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Tòa án cấp phúc thẩm có triệu tập):

1. Bà Đoàn Thị T7, sinh năm 1988; trú tại: Tổ 73, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Ông Trần anh P T5, sinh năm 1990; trú tại: quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Việt A1, sinh năm 1972; trú tại: thành phố Hồ C Minh; vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Tòa án không triệu tập):

4. Bà Trương Thị H, sinh năm 1972; trú tại: tỉnh Quảng Nam.

5. Bà Phạm Thị Thúy A (còn gọi là U), sinh năm 1974; trú tại: quận C, thành phố Đà Nẵng.

6. Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1979; trú tại: thành phố Đà Nẵng.

7. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1999; trú tại: Thôn Y 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

8. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1994; trú tại: xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

9. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1994; trú tại: Tỉnh Quảng Trị.

10. Ông Trần Văn B, sinh năm 1990; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Thôn 2, T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thị Thiên N và Nguyễn M có quan hệ quen biết. N không có khả năng xin việc làm tại Tổng Công ty Dệt may H, nhưng N vẫn nói với Nguyễn M rằng N có khả năng đưa người vào làm việc tại Tổng Công ty Dệt may H nếu Nguyễn M biết ai có nhu cầu xin việc thì nhận hồ sơ đưa N để N lo; chi phí để được nhận vào làm công nhân là 5.000.000 đồng; chi phí để được nhận vào làm bảo trì điện, lái xe... là 10.000.000 đồng; chi phí vào làm văn phòng là 20.000.000 đồng; căn cứ lượng tiền ông Nguyễn M thu và giao lại cho N thì N sẽ trích tiền môi giới cho Nguyễn M. Đồng ý với đề nghị của N, Nguyễn M đã gặp nhiều người nói mình quen người có khả năng xin việc làm tại Tổng Công ty Dệt may H, nếu có nhu cầu xin việc thì đưa hồ sơ và tiền cho Nguyễn M.

Từ tháng 7/2015 đến tháng 7/2016, Nguyễn M trực tiếp nhận tiền và 49 hồ sơ xin việc rồi giao cho N; giới thiệu để N trực tiếp nhận tiền và hồ sơ xin việc của 4 người. Ngoài ra, N còn đưa thông tin giả về việc N có chung cư thu nhập thấp muốn bán, nhờ Nguyễn M giới thiệu người mua và thực tế N đã nhận tiền, hứa bán chung cư cho 03 người. N đã tiêu xài cá nhân hết tiền là xin việc, lừa bán chung cư và để tránh bị phát hiện, N dùng các số điện thoại 0905608332, 0905081446 gọi cho những người xin việc xưng là người của Tổng Công ty Dệt may H nói hồ sơ xin việc của họ đã được duyệt, hẹn ngày đi làm; đến ngày hẹn đi làm thì N đưa ra nhiều lý do kéo dài thời gian chờ việc. Ngày 18/7/2016, N hẹn một số người đến cổng Tổng Công ty Dệt may H để có người của Tổng Công ty dẫn vào làm việc. Khi một số người đến đứng chờ tại cổng Tổng Công ty thì N điện thoại nói với Đoàn Thị T7 rằng N có nhận hồ sơ xin việc cho một số người, nhưng chưa xin được, hiện N đang ở xa nên nhờ T7 giả là người của Phòng tổ chức Tổng công ty Dệt may H ra hẹn mọi người sẽ giao quyết định đi làm sau một tuần, T7 đã làm theo hướng dẫn của N nên mọi người ra về.

Để tiếp tục che giấu hành vi của mình, N nói với T7 là N đã nhận tiền và hồ sơ xin việc của nhiều người, giờ những người xin việc đòi hỏi phải có quyết định tuyển dụng và N muốn kéo dài thêm thời gian để kiếm tiền trả lại những người này nên N đưa T7 1.500.000 đồng, nhờ T7 giúp N làm một số quyết định tuyển dụng chung cho tất cả các trường hợp xin việc. Do quyết định không có con dấu, chữ ký nên những người xin việc không đồng ý nên ngày 24/7/2015, N đưa cho T7 2.500.000 đồng nhờ T7 làm quyết định tuyển dụng riêng cho từng người, đồng thời, nhờ T7 tìm người làm dấu giả giúp N. Được sự giới thiệu của T7, N gặp và nhờ Trần anh P T5 làm giúp N 01 con dấu giả của Tổng Công ty Dệt may H; sau đó, Toàn nhờ Nguyễn Viết A1 làm một con dấu hình chữ nhật, khắc tên Tổng Công ty Dệt may H có mã số doanh nghiệp. Toàn yêu cầu N đưa 35.000.000 đồng để làm dấu giả, N đồng ý và đã giao đủ tiền, ngoài ra, N còn cho Toàn thêm 1.500.000 đồng. Toàn đã đưa cho Nguyễn Viết A1 12.000.000 đồng để làm dấu. Khi có dấu giả và quyết định tuyển dụng giả, N nhờ Toàn ký

giả tên Tổng giám đốc Tổng Công ty Dệt may H. Ngày 25/7/2016, tại quán cà phê 101 đường C, N đã giao quyết định tuyển dụng giả cho những người xin việc, hẹn ngày 05/9/2016 sẽ đi làm và hỗ trợ chờ việc làm cho mỗi trường hợp từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng; cũng trong thời gian này, N còn có hành vi lừa đảo người khác để bán nhà chung cư chiếm đoạt tiền.

I/ Cụ thể hành vi lừa đảo xin việc để chiếm đoạt tiền của N như sau:

1/ Chiếm đoạt của chị Lê Thị T4 9.000.000 đồng:

Khoảng tháng 7/2015, nghe ông M giới thiệu có quen biết với người có khả năng xin vào làm việc tại Tổng Công ty cổ phần dệt may H nên chị T4 nhờ ông M xin vào làm việc tại bộ phận Văn thư lưu trữ; ông M nói số tiền xin việc là 11.000.000 đồng thì chị T4 đồng ý nên giao hồ sơ và tiền cho ông M. Ông M khai, sau đó tại trước cổng Tổng Công ty cổ phần dệt may H, ông M giao lại hồ sơ xin việc và tiền đã nhận cho N thì N trích lại cho ông M 1.000.000 đồng; nhưng N khai chỉ nhận từ ông M 7.000.000 đồng và trích lại cho ông M 500.000 đồng (không có giấy tờ xác nhận việc này). Sau nhiều lần hứa hẹn đi làm, ngày 25/7/2016, N hẹn chị T4 đến quán cà phê 101 đường C, quận C, giao chị T4 01 quyết định tuyển dụng giả và số tiền trợ cấp chờ việc là 2.000.000 đồng, số tiền chiếm đoạt N đã tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 4.500.000 đồng.*

2/ Chiếm đoạt của anh Trần Văn T2 14.000.000 đồng:

Khoảng tháng 11/2015, anh T2 gặp ông M nhờ xin vào bộ phận Bảo trì điện, ông M nói tiền xin việc là 16.000.000 đồng, anh T2 đồng ý nên giao hồ sơ và tiền cho ông M, không có giấy tờ xác nhận việc nhận tiền. Ông M khai sau đó tại quán cà phê T, trước chợ L, xã H, huyện H, ông M đã giao lại hồ sơ và số tiền đã nhận cho N, N trích lại cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai chỉ nhận từ ông M 10.000.000 đồng và trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, N giao anh T2 01 quyết định tuyển dụng giả và 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc, còn lại N tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 7.000.000 đồng.*

3/ Chiếm đoạt của anh Trần Quốc H 23.000.000 đồng:

Khoảng tháng 01/2016, anh Trần Quốc H nhờ ông M xin vào làm việc tại bộ phận Kế toán của Tổng Công ty dệt may H, ông M nói số tiền xin việc là 25.000.000 đồng nên ngày 20/01/2016, anh H giao hồ sơ và tiền cho ông M, không có giấy tờ xác nhận về việc này. Ông M khai, sau đó tại quán cà phê 101, đường C, quận C đã giao hồ sơ và tiền lại cho N, N trích lại cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M số tiền 20.000.000 đồng và trích lại cho ông M 1.000.000 đồng mỗi giới. Ngày 25/7/2016, N giao cho anh H 01 quyết định tuyển dụng giả và 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc, số tiền chiếm đoạt N đã tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

4. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn N2 13.000.0000 đồng:

Ngày 20/01/2016, tại nhà ông M, anh N2 giao hồ sơ xin việc và số tiền 15.000.000 đồng cho ông M để nhờ xin việc vào bộ phận Bảo trì điện của Tổng công ty H. Ông M khai sau đó tại cà phê Hương Cau, quận C đã giao lại hồ sơ và tiền cho N, N trích lại cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai chỉ nhận từ ông M 10.000.000 đồng và trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 N giao anh N2 01 quyết định tuyển dụng giả và 2.000.000đ trợ cấp chờ việc; số tiền chiếm đoạt N đã tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

5. Chiếm đoạt của bà Lê Thị H2 15.000.000 đồng:

Khoảng tháng 01/2016, ông M nói với bà Lê Thị H2 là có quen biết với người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty dệt may H, nếu có nhu cầu xin việc thì ông M xin giúp. Bà H2 nhờ ông M xin cho con là Phạm Phú T vào bộ phận lái xe của Tổng Công ty, ông M nói tiền xin việc là 15.000.000 đồng. Khoảng một tuần sau tại nhà anh T, ông M nhận từ Bà H2 hồ sơ xin việc của T và 15.000.000 đồng, không có giấy tờ gì xác nhận việc này. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M đã giao lại hồ sơ số tiền này cho N, N trích lại cho ông M 1.000.000 đồng; nhưng N khai ông M giao 10.000.000 đồng, N trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt N đã tiêu xài hết, *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

6. Chiếm đoạt của bà Phạm Thị H4 13.000.000 đồng:

Khoảng tháng 01/2016, thông qua anh Phạm Phú T, anh Nguyễn Phạm D nhờ ông M xin vào bộ phận Bảo trì điện của Tổng Công ty; ông M nói tiền xin việc là 15.000.000 đồng. Ngày 27/01/2016, ông M nhận của bà Phạm Thị H4 (mẹ anh D) hồ sơ xin việc và 15.000.000 đồng, ông M ký nhận số tiền này. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại hồ sơ và số tiền này cho N, N trích cho ông M 5.000.000đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 10.000.000 đồng, trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, anh D đã nhận từ N 01 quyết định tuyển dụng giả và 2.000.000 đồng trợ cấp chờ việc, số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

7. Chiếm đoạt của bà Phạm Thị H5 13.000.000 đồng:

Khoảng tháng 01/2016, cùng với anh D, anh V đã nhờ ông M xin vào bộ phận Bảo trì điện của Tổng Công ty cổ phần dệt may H. Ngày 27/01/2016, anh V và mẹ là bà Phạm Thị H5 giao cho ông M hồ sơ xin việc và 15.000.000 đồng (ông M viết giấy nhận tiền chung với tiền nhận của anh D). Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại hồ sơ và số tiền này cho N, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 10.000.000 đồng, trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, anh V nhận từ N 01 quyết định tuyển

dụng và 2.000.000 đồng trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N đã tiêu xài hết, *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

8. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Bích V 23.000.000 đồng:

Khoảng tháng 01/2016, biết tin ông M có quen biết với người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty cổ phần dệt may H, chị V đến nhà ông M nhờ xin vào bộ phận Kế toán, ông M nói số tiền xin việc là 25.000.000 đồng. Chị V đồng ý nên giao hồ sơ xin việc và tiền cho ông M, không có giấy tờ xác nhận việc nhận tiền. Ông M khai sau đó tại cà phê C, ông M giao lại hồ sơ và số tiền này cho N, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng, trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, chị V nhận từ N 01 quyết định tuyển dụng giả và 2.000.000 đồng trợ cấp chờ việc, số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

9. Chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị Thu K và chị Nguyễn Thị Duyên C 03 lần, cụ thể:

Khoảng tháng 02/2016, nghe tin ông M có quen biết với người có khả năng xin việc làm tại Tổng Công ty dệt may H nên chị Nguyễn Thị Thu K nhờ ông M xin việc cho em gái là Nguyễn Thị Quỳnh C (làm Kế toán), ông M nói số tiền xin việc là 25.000.000 đồng (ông M cho số điện thoại của N cho K gặp trao đổi việc xin việc nên K biết N là người xin việc cho Châu). Ngày 01/02/2016, ông M nhận của chị K hồ sơ xin việc của chị Châu và 25.000.000 đồng có viết giấy biên nhận. Ông M khai sau đó, tại quán cà phê 101, ông M giao lại hồ sơ xin việc và tiền cho N, N trích cho ông M 5.000.000 đồng. N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, chị Nguyễn Thị Quỳnh C nhận từ N 2.000.000 đồng trợ cấp chờ việc.

Khoảng tháng 4/2016, thông qua chị ruột của mình là Nguyễn Thị Thu K, chị C đến nhà ông M nhờ xin việc vào bộ phận văn phòng Tổng Công ty dệt may H, ông M nói số tiền xin việc là 30.000.000 đồng. Ngày 02/4/2016 tại nhà chị K, ông M nhận của chị C hồ sơ xin việc và 25.000.000 đồng, chị C viết giấy nhận tiền, ông M ký xác nhận. Ông M khai sau đó tại quán cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ và số tiền này, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng, trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, chị C nhận từ N 2.000.000 đồng hỗ trợ chờ việc.

Khoảng tháng 6/2016, chị K tiếp tục nhờ ông M xin việc cho em dâu của mình là Huỳnh Thị T vào bộ phận văn phòng Tổng Công ty. Ngày 27/6/2016, tại nhà chị K, ông M nhận hồ sơ xin việc của T và số tiền 25.000.000 đồng từ K, chị K viết giấy nhận tiền, ông M ký xác nhận. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại chị N hồ sơ xin việc và số tiền này, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M

1.000.000đồng. Sau khi nhận quyết định tuyển dụng từ N, chị K và chị C nghi ngờ nên gặp N đòi lại tiền, N đã trả chị K và chị C số tiền 43.000.000 đồng và giao cho chị C 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S màu hồng để làm tin (chị C đã nộp cho cơ quan điều tra điện thoại này).

Số tiền N đã chiếm đoạt của 3 trường hợp này là 28.000.000 đồng; Nguyễn M hưởng lợi 18.000.000 đồng.

10. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thanh T2 23.000.000 đồng:

Khoảng tháng 3/2016, thông qua chị Nguyễn Thị Thu K, chị T2 nhờ ông M xin việc vào bộ phận y tế Tổng Công ty dệt may H, ông M nói tiền xin việc là 30.000.000 đồng (chị T2 được ông M liên lạc gặp N nên biết N là người xin việc cho Thảo). Ngày 28/3/2016 tại nhà chị K, chị T2 giao cho ông M hồ sơ xin việc và số tiền 30.000.000 đồng, chị T2 viết giấy nhận tiền, ông M ký xác nhận; ông M trích lại cho chị K 5.000.000 đồng môi giới xin việc. Ông M khai sau đó tại quán cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền 25.000.000 đồng, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng môi giới xin việc. Ngày 25/7/2016, chị T2 nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Sau khi nhận quyết định tuyển dụng, nghi ngờ N lừa đảo, chị K đã trả lại cho chị T2 số tiền 5.000.000 đồng, số tiền chiếm đoạt N đã tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

11. Chiếm đoạt của chị Hồ Thị Thu H 23.000.000 đồng:

Khoảng tháng 02/2016, nghe tin ông M có quen biết với người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty cổ phần dệt may H nên vợ chồng chị H đến nhờ ông M xin việc vào bộ phận kế toán, ông M nói tiền xin việc là 25.000.000 đồng. Ngày 18/3/2016 tại quán cà phê (không nhớ địa chỉ) chị H giao cho ông M hồ sơ xin việc và số tiền 25.000.000đồng, không có giấy tờ xác nhận việc này. Ông M khai sau đó tại cà phê H, đường 605, H, H, thành phố Đà Nẵng, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền này, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, chị H nhận từ N 2.000.000 đồng trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

12. Chiếm đoạt của anh Võ Ngọc T1 12.000.000 đồng:

Khoảng tháng 02/2016, thông qua ông M, T1 gặp N, N giới thiệu là quản đốc tại Tổng Công ty dệt may H, có khả năng xin cho người khác vào làm việc tại đây, tưởng thật anh T1 nhờ N xin vào bộ phận Lái xe của Tổng Công ty. N nói tiền xin việc là 15.000.000 đồng, do hoàn cảnh của T1 khó khăn nên giảm 1.000.000 đồng. Hai ngày sau, anh T1 giao cho N hồ sơ xin việc và 14.000.000 đồng, N trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 anh T1 nhận từ N

2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc, số tiền chiếm đoạt N đã tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 1.000.000 đồng.*

13. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Đắc Thành N2 23.000.000 đồng:

Khoảng tháng 3/2016, thông qua Võ Ngọc T1, anh N2 nhờ ông M xin vào bộ phận Thủ quỹ của Tổng Công ty dệt may H, ông M nói tiền xin việc là 25.000.000 đồng nên ngày 27/3/2016 anh N2 giao hồ sơ xin việc và tiền cho ông M. Ông M khai sau đó tại quán cà phê 101, ông M giao lại N hồ sơ xin việc và toàn bộ tiền, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai chỉ nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 anh N2 nhận từ N 2.000.000 đồng trợ cấp chờ việc, số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

4. Chiếm đoạt của chị Phạm Thị Vân O 23.000.000 đồng:

Ngày 28/02/2016, chị O giao cho ông M hồ sơ xin việc và 25.000.000 đồng để nhờ ông M xin làm kế toán tại Tổng Công ty dệt may H. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, đường C, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của chị O và số tiền này, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 chị O nhận từ N 01 quyết định tuyển dụng giả và 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc, số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

15. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Lệ H2 23.000.000 đồng:

Khoảng tháng 3/2016, nghe tin ông M có quen biết với người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty cổ phần dệt may H, chị H2 đã nhờ ông M xin việc vào bộ phận Chăm công, ông M nói tiền xin việc là 25.000.000 đồng. Khoảng 04 ngày sau tại nhà ông M, chị H2 giao cho ông M hồ sơ xin việc và 25.000.000 đồng, không có giấy tờ xác nhận việc này. Ông M khai sau đó tại cà phê Hương Cau, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền này, N trích lại cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, chị H2 nhận từ N 2.000.000 đồng trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N đã tiêu xài hết. Ngày 28/11/2016, ông M trả cho chị H2 2.000.000 đồng; *Nguyễn M hưởng lợi 4.000.000 đồng.*

16. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Viết Q nhiều lần, cụ thể:

Ông Q xin việc cho con là Nguyễn Viết T7: Khoảng tháng 3/2016, nghe ông M giới thiệu có quen người có khả năng xin vào làm việc tại Tổng Công ty dệt may H, Ông Q nhờ ông M xin việc cho con là Nguyễn Viết T7 vào bộ phận Kho của Tổng Công ty, ông M nói tiền xin việc là 5.000.000 đồng. Tại cà phê Thu, Đ, Đ, Quảng Nam, Ông Q giao hồ sơ xin việc của T7 và tiền cho ông M, không có giấy tờ xác nhận việc này. Ông M khai sau đó tại cà phê cóc đường

605, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền 5.000.000 đồng, N trích lại cho ông M 500.000 đồng. Ngày 25/7/2016, T7 nhận từ N 500.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 500.000 đồng.*

Ông Q xin việc cho em trai là Nguyễn Đ: Cũng trong tháng 3/2016, tại quán cà phê Thu, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, Ông Q đưa hồ sơ và số tiền 7.000.000 đồng cho ông M nhờ xin việc cho em là Nguyễn Đ (SN 1983) vào bộ phận Kho của Tổng Công ty, không có giấy tờ xác nhận việc này. Ông M khai sau đó tại quán cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền này, N trích lại cho ông M 1.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 5.000.000 đồng và trích lại cho ông M 500.000 đồng. Ngày 25/7/2016, Ông Đ nhận từ N 500.000 đồng trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 2.500.000 đồng.*

Ông Q xin việc cho cháu là Huỳnh Văn H2: Khoảng tháng 3/2016, Ông Q đưa hồ sơ xin việc và số tiền 5.000.000 đồng để nhờ ông M xin việc cho cháu ruột là Huỳnh Văn H2 vào bộ phận Kho của Tổng Công ty, không có giấy tờ xác nhận việc này. Ông M khai sau đó tại cà phê cóc đường 605, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và 5.000.000 đồng, N trích lại cho ông M 500.000 đồng. Ngày 25/7/2016 anh Hiền nhận từ N 500.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 500.000 đồng.*

Ông Q xin việc cho cháu là Nguyễn Tấn P: Khoảng tháng 3/2016, Ông Q tiếp tục đưa hồ sơ xin việc và số tiền 6.000.000 đồng để nhờ ông M xin việc cho cháu là Nguyễn Tấn P vào bộ phận Kho của Tổng Công ty, không có giấy tờ xác nhận việc này. Ông M khai sau đó tại cà phê cóc đường 605, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền này, N trích cho ông M 1.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 5.000.000 đồng và trích lại cho ông M 500.000 đồng. Ngày 25/7/2016, anh Phát nhận từ N 500.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 1.500.000 đồng.*

17. Chiếm đoạt của chị Phạm Thị T3 55.000.000 đồng:

Khoảng tháng 5/2016, được ông Nguyễn Viết Q giới thiệu, chị T3 đến gặp ông M nhờ xin việc vào bộ phận Công đoàn của Tổng Công ty dệt may H, ông M nói tiền xin việc là 35.000.000 đồng. Ngày 30/5/2016 tại quán cà phê trên đường 605, H, H, Đà Nẵng, ông M nhận tiền và hồ sơ xin việc của chị T3, ông M có ký nhận tiền. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền này, N trích lại cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, chị T3 nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc, số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 16.000.000 đồng.*

18. Chiếm đoạt của anh Phạm Thị Thu Y 13.000.000 đồng:

Khoảng tháng 3/2016, nghe tin ông M quen người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty cổ phần dệt may H nên anh B cùng mẹ là bà Nguyễn Thị Thu Y đến nhà ông M nhờ xin việc vào bộ phận Lái xe của Tổng Công ty, ông M nói tiền xin việc là 15.000.000 đồng. Ngày 11/3/2016, tại cà phê số 63 Nguyễn Hữu Thọ, Đà Nẵng, bà Yến giao hồ sơ xin việc của Bình và tiền cho ông M, không có giấy tờ xác nhận việc này. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của Bình và số tiền này, N trích lại cho ông M 5.000.000đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 10.000.000 đồng và trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, anh B nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

19. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Viết S nhiều lần, cụ thể:

Ông Nguyễn Viết S xin việc cho con là Nguyễn Đức anh P: Khoảng tháng 3/2016, nghe tin ông M quen người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty cổ phần dệt may H nên ông S nhờ ông M xin việc cho con là Nguyễn Đức anh P vào bộ phận Kho, ông M nói tiền xin việc là 5.000.000 đồng. Tại cà phê Xuân, Hòa Châu, H, Đà Nẵng, ông S gặp N và ông M, tại đây ông S giao cho N hồ sơ xin việc của anh P và 5.000.000 đồng; sau đó N trích lại cho ông M 500.000 đồng. Ngày 25/7/2016, anh P nhận từ N 500.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 500.000 đồng.*

Ông Nguyễn Viết S xin việc cho con là Nguyễn Viết C: Khoảng tháng 3/2016, thông qua ông M, ông S gặp N đưa hồ sơ và 5.000.000 đồng nhờ xin vào bộ phận kho của Tổng công ty dệt may H; N trích lại cho ông M 500.000 đồng. Ngày 25/7/2016, C nhận từ N 500.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc; số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 500.000 đồng.*

20. Chiếm đoạt của chị Trần Thị Kim N1 28.000.000 đồng:

Khoảng tháng 3/2016, nghe tin ông M quen người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty cổ phần dệt may H, chị N1 nhờ ông M xin việc vào bộ phận Y tế Tổng Công ty, ông M nói tiền xin việc là 30.000.000đồng. Ngày 28/3/2016 tại quán cà phê gần Khu công nghiệp C, chị N1 giao cho ông M tiền và hồ sơ xin việc, chị N1 viết giấy nhận tiền, ông M ký xác nhận. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền này, N trích lại cho ông M 4.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000đồng, trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 chị N1 nhận từ N 2.000.000đồng tiền trợ cấp chờ việc, số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 11.000.000 đồng.*

21. Chiếm đoạt của chị Trần Thị Kim H1 28.000.000 đồng:

Khoảng tháng 5/2016, chị N1 tiếp tục nhờ ông M xin việc cho em ruột là Trần Thị Kim H1 vào bộ phận Y tế Tổng Công ty dệt may H. Ngày 07/5/2016 tại đường P, Đà Nẵng chị N1 giao cho ông M hồ sơ xin việc của H1 và 30.000.000 đồng. Chị N1 viết giấy nhận tiền, ông M ký xác nhận. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền này, N trích lại cho ông M 4.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 chị H1 nhận từ N 2.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 11.000.000 đồng.*

22. Chiếm đoạt của ông Hoàng Văn Đ 28.000.000 đồng:

Khoảng tháng 4/2016, ông M đến nhà của ông Đ có việc riêng. Tại đây, ông M giới thiệu có quen người làm ở Tổng công ty dệt may H nên ông Đ nhờ ông M xin việc cho con là Hoàng Thiện C vào bộ phận Kỹ thuật (thiết kế đồ họa), ông M nói tiền xin việc là 30.000.000 đồng. Hôm sau, ông M đến nhà ông Đ nhận tiền và hồ sơ xin việc của C, ông M ký nhận tiền; tại đây ông M điện thoại cho N để C gặp N trao đổi vấn đề xin việc. Sau đó tại quán cà phê 101, ông M khai giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền này, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng mỗi giới. Ngày 25/7/2016, N hẹn C đến quán cà phê 101 số 334 đường C để nhận quyết định tuyển dụng (là quyết định giả) và 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết. *Nguyễn M hưởng lợi 11.000.000 đồng.*

23. Chiếm đoạt của chị Trần Thị M 23.000.000 đồng:

Khoảng tháng 4/2016, nghe tin ông M quen người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty cổ phần dệt may H nên chị M nhờ ông M xin việc vào bộ phận Kế toán, ông M nói tiền xin việc là 30.000.000 đồng. Ngày 21/4/2016, ông M nhận của chị M hồ sơ xin việc và 28.000.000 đồng, ông M ký nhận tiền. Ông M khai, sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của M và số tiền này, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, chị M nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; ngày 28/11/2016 ông M đã trả cho chị M 3.000.000 đồng nên *Nguyễn M còn hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

24. Chiếm đoạt của ông Trần Đình N 23.000.000 đồng:

Khoảng tháng 4/2016, tại nhà ông Trần Đình N, ông M giới thiệu quen với người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty dệt may H nếu chị Trần Hoa T (con ông N) có nhu cầu xin việc thì ông M xin giúp. Chị T nhờ ông M xin việc vào bộ phận Nhân sự, ông M nói tiền xin việc là 25.000.000 đồng. Khoảng bốn

ngày sau, ông N giao hồ sơ xin việc của T và tiền cho ông M, không có giấy tờ nhận tiền. Ông M khai sau đó tại cà phê cóc đường 605, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền này, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 Chị T có nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

25. Chiếm đoạt của chị Trần Thị S 33.000.000 đồng:

Khoảng tháng 4/2016, nghe tin ông M quen người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty dệt may H nên Chị S nhờ ông M xin việc cho con là Tường Thành L (sinh năm 1986) vào bộ phận Thủ quỹ, ông M nói số tiền xin việc là 35.000.000 đồng. Ngày 20/4/2016, Chị S giao hồ sơ xin việc của L và tiền cho ông M, không có giấy tờ nhận tiền. Ông M khai sau đó tại cà phê cóc đường 605, ông M khai giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền này, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, anh L nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 16.000.000 đồng.*

26. Chiếm đoạt của ông Thái V 56.000.000 đồng:

Khoảng tháng 4/2016, khi đến nhà ông V chơi, ông M giới thiệu mình quen với người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty dệt may H, nếu ai cần xin việc thì nói ông M xin giúp. Do đó, ông V nhờ ông M xin việc cho con dâu là Hồ Thị Trà My vào bộ phận Kế toán, ông M nói tiền xin việc là 30.000.000đồng. Ngày 13/4/2016, tại nhà ông V, ông M nhận hồ sơ xin việc của My và tiền, ông M có ký nhận tiền. Ông M khai sau đó, tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của My và số tiền này, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng, trích lại cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, chị My nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 11.000.000 đồng.*

Ngày 10/ 7/2016, ông V tiếp tục đưa hồ sơ và 30.000.000 đồng cho ông M để nhờ xin việc cho con là Thái Thị Bảo N (sinh năm 1995) vào bộ phận Văn thư lưu trữ của Tổng Công ty dệt may H. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của Ngọc và số tiền này, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 chị N nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N đã tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 11.000.000 đồng.*

27. Chiếm đoạt của anh Trà Thanh D1 13.000.000đồng:

Khoảng tháng 4/2016, nghe ông M nói có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty dệt may H nên anh D1 nhờ ông M xin vào làm tại bộ phận Bảo trì điện, ông M nói tiền xin việc là 15.000.000 đồng. Ngày hôm sau tại nhà ông M, anh D1 giao hồ sơ xin việc và tiền cho ông M. Ông M khai sau đó, tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của Dũng và số tiền này; nhưng N khai nhận từ ông M 10.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 anh D1 nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết, *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

28. Chiếm đoạt của chị Phan Thị Bích P2 28.000.000 đồng:

Ngày 27/4/2016 tại quán cà phê gần nhà ông M, chị P2 giao hồ sơ xin việc và số tiền 30.000.000 đồng cho ông M để nhờ xin vào bộ phận kế toán của Tổng công ty dệt may H, ông M đã ký nhận tiền. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của chị P2 và số tiền này' nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, chị P2 nhận từ N 01 quyết định tuyển dụng giả và 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 11.000.000 đồng.*

29. Chiếm đoạt của anh Phạm Tiến N3 13.000.000 đồng:

Ngày 25/4/2016 tại nhà ông M, anh Phạm Tiến N3 đưa hồ sơ xin việc và 15.000.000 đồng cho ông M nhờ xin vào làm việc tại bộ phận Lái xe của Tổng công ty dệt may H, anh Nhân viết giấy nhận tiền, ông M ký xác nhận. Ông M khai sau đó tại cà phê cóc gần ngã ba C, Đà Nẵng, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của Nhân và số tiền này, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 10.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 anh Nhân nhận từ N 01 quyết định tuyển dụng giả và số tiền 2.000.000 đồng trợ cấp chờ việc, số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

30. Chiếm đoạt của ông Nguyễn M nhiều lần, cụ thể:

Ông M xin việc cho Nguyễn Thị N2: Khoảng tháng 02/2016, thông qua chị Lê Thị T4, chị Nguyễn Thị N2 nhờ ông M xin việc vào bộ phận Kế toán của Tổng Công ty dệt may H, ông M nói số tiền xin việc là 25.000.000 đồng, Chị N2 nói không có tiền nên ông M cho N2 mượn tiền. N khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao hồ sơ xin việc của chị N2 và 15.000.000 đồng, N trích cho ông M 1.000.000 đồng; nhưng ông M khai tự bỏ ra 25.000.000 đồng cho N2 mượn và đã giao số tiền này cho N, N không cho lại tiền. Ngày 25/7/2016, nghe tin N hẹn đến nhận quyết định đi làm, chị N2 đến nhưng không có quyết định của mình, chị N2 hỏi thì N nói sẽ bổ sung và giao sau; số tiền chiếm đoạt N đã tiêu xài hết.

Ông M xin việc cho Trần Văn B: Anh Trần Văn B thường chở ông M đi gặp N nên tin N có khả năng xin việc vào Tổng Công ty dệt may H. Do đó, khoảng tháng 5/2016, anh B nhờ ông M nói N xin cho mình vào bộ phận Kho, ông M nói tiền xin việc là 5.000.000 đồng; do B không có tiền nên ông M cho B mượn số tiền này. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao cho N hồ sơ xin việc của B và 5.000.000 đồng, N trích cho ông M 500.000 đồng. Ngày 25/7/2016 anh B nhận từ N 500.000 đồng trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết.

Ông M xin việc cho Nguyễn Văn L: Khoảng tháng 4/2016, ông M đến nhà ông Nguyễn Văn L giới thiệu có quen người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công dệt may H nên ông L nhờ ông M xin cho con là Nguyễn Lê Huy V vào bộ phận Quản lý mạng của Tổng Công ty, ông M nói tiền xin việc là 30.000.000 đồng, ông L nói sau khi nhận việc sẽ giao tiền nên ông M nói khi nhận việc phải giao số tiền 40.000.000 đồng thì ông L đồng ý và giao hồ sơ xin việc của Huy cho ông M. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao hồ sơ xin việc của anh Vũ cho N và giao số tiền 30.000.000 đồng (là tiền ông M tự bỏ ra), N trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 Vũ nhận từ N 01 quyết định tuyển dụng nhưng thấy vị trí công việc không đúng như mình yêu cầu nên anh Vũ không nhận và cũng không nhận tiền hỗ trợ. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết.

Ông M xin việc cho con dâu là Trần Thị H3: Khoảng tháng 6/2016, ông M nói với N xin việc giúp cho con dâu của ông M là Trần Thị H3 (SN 1982, trú N, Đ, Quảng Nam) vào bộ phận Nhà ăn của Tổng Công ty dệt may H. Ông M khai đã giao hồ sơ xin việc của chị Hiền và 20.000.000 đồng cho N; nhưng N khai sau khi nhận tiền N nghe ông M nói cần tiền mua gạch làm nhà nên N đưa lại tiền cho ông M, không có giấy tờ giao nhận tiền, số tiền chiếm đoạt N đã tiêu xài hết. Ngày 25/7/2016, N giao cho ông M quyết định tuyển dụng chị Hiền và số tiền trợ cấp chờ việc 2.000.000 đồng.

31. Chiếm đoạt của anh Trần Hữu T 33.000.000 đồng:

Khoảng tháng 5/2016, ông M giới thiệu với anh Trần Hữu T có quen người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty cổ phần dệt may H, nếu anh T cần việc làm thì ông M xin giúp. Anh Thanh nhờ ông M xin việc vào bộ phận Kế toán, ông M nói tiền xin việc là 35.000.000 đồng. Vài ngày sau tại quán cà phê ở đường P, Đà Nẵng, anh T giao hồ sơ xin việc và tiền cho ông M, ông M ký nhận tiền. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của Thanh và số tiền này, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng, trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, anh T nhận từ N 2.000.000 đồng trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 16.000.000 đồng.*

32. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Tấn N1 13.000.000 đồng:

Khoảng tháng 5/2016, thông qua Trần Hữu T, anh N1 gặp và nhờ ông M xin việc vào bộ phận Bảo trì điện của Tổng Công ty dệt may H. Ngày 18/5/2016 tại quán cà phê trên đường Hà Huy Tập, Đà Nẵng, anh Nhân giao cho ông M hồ sơ xin việc và 15.000.000 đồng, ông M ký nhận tiền. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của N1 và số tiền này, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 10.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, anh N1 có nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

33. Chiếm đoạt của anh Trương Đình Hoàn T4 15.000.000 đồng:

Khoảng tháng 5/2016, anh T4 nhờ ông M xin việc vào bộ phận Lái xe của Tổng Công ty dệt may H. Tại nhà ông M, anh T4 đã giao hồ sơ xin việc và số tiền 15.000.000 đồng cho ông M, không có giấy tờ gì xác nhận việc này. Ông M khai sau đó tại cà phê Hương Cau, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của Thạch và số tiền này, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 10.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. N tiêu xài hết số tiền đã nhận; *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

33. Chiếm đoạt của anh Lê Minh V1 18.000.000 đồng:

Ngày 11/5/2016 tại nhà anh V1, ông M nhận hồ sơ xin việc và 20.000.000 đồng để xin cho V1 vào bộ phận Bảo trì điện của Tổng công ty dệt may H. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của anh V1 và số tiền đã nhận, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 10.000.000 đồng, trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, N giao cho anh V1 01 quyết định tuyển dụng giả và tiền trợ cấp chờ việc là 2.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 11.000.000 đồng.*

34. Chiếm đoạt của chị Trần Thị P1 26.000.000 đồng:

Khoảng tháng 5/2016, khi đến nhà chị P1 chơi, ông M giới thiệu mình quen với người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty dệt may H, nếu chị P1 cần xin việc thì ông M xin giúp, ông M nói tiền xin việc là 35.000.000 đồng. Ngày 31/5/2016, tại nhà ông M, chị P1 giao cho ông M hồ sơ xin việc và số tiền 28.000.000 đồng, ông M đồng ý cho P1 mượn thêm 7.000.000 đồng, khi có việc làm chị P1 sẽ trả tiền lại cho ông M. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của chị P1 và số tiền 35.000.000 đồng, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, chị P1 nhận từ N 2.000.000 đồng

tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 9.000.000 đồng.*

35. Chiếm đoạt của chị Võ Thị Thúy P 33.000.000 đồng:

Khoảng cuối tháng 5/2016, nghe tin ông Nguyễn M có quen biết với người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty cổ phần dệt may H nên chị P nhờ ông M xin việc vào bộ phận Kế toán, ông M nói tiền xin việc là 35.000.000 đồng. Ngày 28/5/2016 tại nhà ông M, chị P giao hồ sơ xin việc và tiền cho ông M, không có giấy tờ xác nhận việc nhận tiền. Ông M khai sau đó tại cà phê Hương Cau, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền đã nhận, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 chị P nhận từ N 2.000.000đ trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 16.000.000 đồng.*

36. Chiếm đoạt của chị Đoàn Thị Như T1 28.000.000 đồng:

Khoảng tháng 6/2016, nghe tin ông M quen người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty dệt may H nên chị T1 nhờ ông M xin việc vào bộ phận Y tế, ông M nói số tiền xin việc là 30.000.000 đồng. Ngày 20/6/2016 tại nhà ông M, chị T1 giao hồ sơ xin việc và tiền cho ông M, ông M ký nhận tiền. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền đã nhận, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, chị T1 nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 11.000.000 đồng.*

37. Chiếm đoạt của anh Cao Quốc D 28.000.000 đồng:

Khoảng tháng 6/2016, nghe tin ông M quen người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty dệt may H nên anh D nhờ ông M xin vào bộ phận Y tế, ông M nói số tiền xin việc là 30.000.000 đồng. Ngày 20/6/2016, anh D giao hồ sơ xin việc và tiền cho ông M, ông M ký nhận tiền. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền đã nhận, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000đồng. Ngày 25/7/2016, anh D nhận từ N 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 11.000.000 đồng.*

38. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H6 15.000.000 đồng:

Ngày 27/6/2016, bà H6 và con là Trương Nguyễn Minh T đã giao hồ sơ xin việc và số tiền 15.000.000 đồng cho ông M để nhờ xin cho T vào bộ phận Lái xe của Tổng Công ty dệt may H, không có giấy tờ gì xác nhận việc này. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của anh T và số

tiền đã nhận, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 10.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, anh T đến nhận quyết định tuyển dụng nhưng do thấy vị trí việc làm của mình sai nên anh T không nhận và cũng không nhận tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 6.000.000 đồng.*

39. Chiếm đoạt của chị Lương Thị Thanh T5 33.000.000 đồng:

Ngày 28/6/2016, chị T5 giao hồ sơ xin việc và số tiền 35.000.000 đồng cho ông M để nhờ xin việc vào bộ phận Thủ quỹ của Tổng Công ty dệt may H. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của chị T5 và số tiền đã nhận, N trích cho ông M 6.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 chị T5 nhận từ N 01 quyết định tuyển dụng giả và 2.000.000 đồng tiền trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 16.000.000 đồng.*

40. Chiếm đoạt của anh Lê Hoàng A 33.000.000 đồng:

Khoảng tháng 7/2016, nghe tin ông Nguyễn M quen người có khả năng xin vào làm tại Tổng Công ty dệt may H, anh Lê Hoàng A đến nhờ ông M xin việc cho vợ là Nguyễn Thị Mỹ L vào bộ phận Công đoàn của Tổng Công ty, ông M nói số tiền xin việc là 35.000.000 đồng. Ngày hôm sau tại cà phê C đường 605, H, H, Đà Nẵng, anh Lê Hoàng A giao cho N hồ sơ xin việc của chị Lai và 35.000.000 đồng, ông M chứng kiến việc này. N khai sau đó tại cà phê 101, N trích lại cho ông M 16.000.000 đồng; nhưng ông M khai N chỉ trích cho ông 5.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016 chị Lai nhận từ N 01 quyết định tuyển dụng giả và 2.000.000 đồng trợ cấp chờ việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 5.000.000 đồng.*

41. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Anh T3 30.000.000 đồng:

Khoảng tháng 7/2016, anh T3 nhờ ông M xin việc vào bộ phận Kỹ thuật của Tổng Công ty dệt may H. Ông M đã dẫn anh Thiên đến gặp N để trực tiếp trao đổi thông tin về công việc. Vài ngày sau tại nhà ông M, anh T3 giao cho ông M hồ sơ xin việc và số tiền 30.000.000 đồng. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc của anh T3 và số tiền đã nhận, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng và trích cho ông M 1.000.000 đồng. Ngày 25/7/2016, N giao anh T3 01 quyết định tuyển dụng hẹn ngày 05/9/2016 đi làm, nhưng sau đó anh T3 biết bị lừa xin việc. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 11.000.000 đồng.*

42. Chiếm đoạt của chị Võ Thị Thanh T 35.000.000 đồng:

Khoảng đầu tháng 7/2016, chị T đến nhờ ông M xin vào làm kế toán tại Tổng Công ty dệt may H. Ngày 22/7/2016, ông M hẹn vợ chồng chị T đến quán cà phê 101 số 334 đường C, quận C, Đà Nẵng gặp N; N hứa xin cho chị T vào bộ phận kế toán mức lương 5.000.000đ/l tháng, 06 tháng sau vào biên chế và số tiền xin việc là 40.000.000 đồng, chị T nói chưa đủ tiền nên N hẹn hôm sau giao tiền cho ông M. Ngày 23/7/2016, vợ chồng chị T giao cho ông M 35.000.000 đồng và hồ sơ xin việc, ông M ký nhận tiền. Ông M khai sau đó tại cà phê 101, ông M giao lại cho N hồ sơ xin việc và số tiền đã nhận, N trích cho ông M 5.000.000 đồng; nhưng N khai nhận từ ông M 20.000.000 đồng, N không trích lại tiền môi giới cho ông M, số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết; *Nguyễn M hưởng lợi 15.000.000 đồng.*

II/ Lừa đảo chiếm đoạt tiền mua bán nhà chung cư: 73.000.000 đồng:

1. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Bích T6 20.000.000 đồng:

Khoảng tháng 9/2015, N nói với ông M việc có quen với bà T6 là vợ sếp của N tại Tổng Công ty cổ phần dệt may H, bà T6 làm ở Công ty quản lý nhà chung cư nên có bán chung cư tại H, H, Đà Nẵng dành cho phụ nữ có thu nhập thấp, nếu mua sớm thì giá là 40.000.000 đồng, mua khi bàn giao căn hộ chung cư sẽ lên đến hàng trăm triệu đồng. N lưu số điện thoại khác của N vào máy của ông M với tên là T6 và nói có gì gọi cho bà T6 để biết thêm thông tin. Do thường xuyên uống cà phê tại quán của chị Nguyễn Thị Bích T6 nên ông M nói thông tin này cho chị Tiền biết, ông M đưa số điện thoại của Thảo cho chị Tiền liên lạc. Sau đó, chị Tiền đồng ý mua chung cư với giá 40.000.000 đồng và được hứa cuối năm 2016 sẽ nhận căn hộ. Chị Tiền không có đủ tiền nên xin giao trước 20.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ giao khi nhận được chung cư thì N đồng ý. Ngày 03/11/2015, N đến nhà chị Tiền giới thiệu là nhân viên của bà T6, được bà T6 phân công đến nhận tiền, chị Tiền đưa 20.000.000 đồng, N viết giấy nhận tiền. Sau đó, N giải thích với ông M do bà T6 bận việc nên nói chồng là sếp của N cho N đến nhà bà Tiền nhận tiền giúp, ông M không nghi ngờ gì. Số tiền chiếm đoạt N tiêu xài hết.

2. Chiếm đoạt của chị Trần Thị Kim N1 13.000.000 đồng:

Khoảng tháng 6/2016, N nói với ông M rằng dì của N có chung cư tại H Đông, quận C, Đà Nẵng đang cần bán để lấy tiền chữa bệnh cho con với giá là 30.000.000 đồng, hai tháng nữa sẽ bàn giao căn hộ. Ông M nói thông tin này cho chị Trần Thị Kim N1 biết và đưa số điện thoại của N để chị N1 liên lạc. Sau khi liên lạc, chị N1 đồng ý mua chung cư nên N nói ông M đưa chị N1 đi xem hướng phòng chung cư để khi nhận phòng N sẽ chọn phòng theo hướng chị N1 chọn. Do không đủ tiền nên chị N1 nói với ông M là mới có 13.000.000 đồng, ông M hỏi N thì N đồng ý. Sau đó chị N1 đến nhà ông M giao ông M

13.000.000 đồng, ông M giao lại cho N. Chị N1 hỏi N chuẩn bị giấy tờ như thế nào thì N nói sẽ phô tô giấy tờ có trong hồ sơ xin việc của chị N1 mà N đang giữ. Khoảng tháng 7/2016, N tiếp tục nói với ông M về việc cần bán một căn hộ chung cư tại H Đông, quận C, thành phố Đà Nẵng (gần căn hộ mà chị N1 mua trước đó) với giá là 40.000.000 đồng. Ông M nói thông tin này với chị N1, chị N1 đồng ý mua chung cư này cho em chị N1 là Trần Thị Kim H1 và hẹn sẽ giao tiền cho N. Ngày 25/7/2016 tại quán cà phê 101, chị N1 giao N 40.000.000 đồng; N khai cho ông M 10.000.000 đồng, nhưng ông M không thừa nhận.

Về dân sự: Các bị hại đề nghị buộc bồi thường số tiền bị mất theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Cơ quan Điều tra đã tạm giữ các vật chứng gồm:

- 01 con dấu bằng nhựa màu đỏ trắng đen có dòng chữ Tổng công ty dệt may H, quận C, thành phố Đà Nẵng, MSDN 0400101556 (N giao nộp).

- 02 bì hồ sơ mang tên Phạm Thị Mỹ L và Nguyễn Anh T3; 01 số giấy tờ ghi lại tên và số điện thoại của những người xin việc; danh sách những người nhận tiền tạm hoãn thời gian công tác.. (thu giữ qua khám xét chỗ ở của N).

- 39 quyết định tuyển dụng giả (do những người xin việc giao nộp).

Tổng số tiền tạm giữ: 204.500.000 đồng; trong đó: N giao nộp 16.700.000 đồng; Nguyễn M giao nộp 140.300.000 đồng; Trần anh P T5 giao nộp 36.500.000 đồng; Đoàn Thị T7 giao nộp 4.000.000 đồng; Nguyễn Ngọc H1 giao nộp 7.000.000 đồng (Huy sinh năm 1979, trú tại 319/34 T, Đà Nẵng là nhân viên Tổng Công ty dệt may H. Tháng 5/2016, N dùng tiền lừa đảo mà có nhờ H xin việc tại Tổng Công ty Dệt may H; Huy không biết đây là tiền do phạm tội mà có nên đã giúp xin việc cho N, nhưng khi xin được việc N không đi làm).

- 01 chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị Thiên N.

- 06 điện thoại di động. Gồm: Huỳnh Thị Thiên N: 01 ĐTDĐ FPT màu đen đỏ; 01 ĐTDĐ hiệu Xphone màu đen và 01 ĐTDĐ Iphone 6S (Cơ giao nộp); 01 ĐTDĐ Samsung của Đoàn Thị T7; 01 ĐTDĐ Nokia màu đen của Nguyễn M; 01 ĐTDĐ FPT màu đen của Trần anh P T5; 01 xe mô tô hiệu Lead màu vàng đen biển kiểm soát 43R2-1442 (số máy 071025, số khung 534232, Giấy đăng ký xe mang tên Lê Thị Xuân T là xe của N cầm cố cho Phan Thị Thuỳ A).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 23/01/2018 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 03/2018/TB-TA ngày 31/01/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị Thiên N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; Xử phạt Huỳnh Thị

Thiên N 08 (tám) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/7/2016.

Về trách nhiệm dân sự: *Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Huỳnh Thị Thiên N và ông Nguyễn M phải bồi thường cho các bị hại số tiền như sau:*

1/ Bồi thường cho ông Lê Hoàng A tổng cộng 35.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 28.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 5.000.000đ;

2/ Bồi thường cho ông Võ Ngọc T1 tổng cộng 12.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 11.000.000đ, ông Nguyễn Mua bồi thường 1.000.000đ.

3/ Bồi thường cho bà Trần Thị Kim H1 tổng cộng 81.000.000đ; trong đó Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 70.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 11.000.000 đ.

4/ Bồi thường cho bà Trần Thị Kim N1 tổng cộng 28.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.00đ, ông Nguyễn M bồi thường 11.000.000đ.

5/ Bồi thường cho ông Hoàng Văn Đ tổng cộng 28.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 11.000.000đ.

6/ Bồi thường cho bà Đoàn Thị Như T1 tổng cộng 28.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 11.000.000đ.

7/ Bồi thường cho bà Võ Thị Thúy P tổng cộng 33.000.000đ; trong đó Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 16.000.000đ.

8/ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ H2 tổng cộng 21.000.000đ; trong đó Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 4.000.000đ.

9/ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh T2 tổng cộng 23.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ; Ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

10/ Bồi thường cho bà Trần Thị M tổng cộng 25.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 8.000.000đ.

11/ Bồi thường cho ông Cao Quốc D tổng cộng 28.000.000đ; trong đó

Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 11.000.000đ.

12/ Bồi thường cho ông Trần Đình N tổng cộng 23.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

13/ Bồi thường cho bà Trần Thị S tổng cộng 33.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 16.000.000đ.

14/ Bồi thường cho ông Trần Hữu T tổng cộng 33.000.000đ; trong đó Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 16.000.000đ;

15/ Bồi thường cho bà Trần Thị P1 tổng cộng 26.00.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 9.000.000đ;

16/ Bồi thường cho ông Nguyễn Đắc Thành N2 tổng cộng 23.000.000đ; trong đó Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

17/ Bồi thường cho ông Trần Quốc H tổng cộng 23.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

18/ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích V tổng cộng 23.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ;

19/ Bồi thường cho bà Phạm Thị Vân O tổng cộng 23.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ;

20/ Bồi thường cho bà Phan Thị Bích P2 tổng cộng 28.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 11.000.000đ.

21/ Bồi thường cho bà Lương Thị Thanh T5 tổng cộng 33.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 16.000.000d.

22/ Bồi thường cho bà Phạm Thị T3 tổng cộng 33.000.000đ; trong đó Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 17.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 16.000.000đ.

23/ Bồi thường cho ông Thái V tổng cộng 56.000.000đ; trong đó, Huỳnh

Thị Thiên N bồi thường 34.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 22.000.000đ.

24/ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu Y tổng cộng 13.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 7.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ;

25/ Bồi thường cho ông Nguyễn Tấn Nhân tổng cộng 13.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 7.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

26/ Bồi thường cho ông Trà Thanh D1 tổng cộng 13.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 7.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

27/ Bồi thường cho bà Phạm Thị H4 tổng cộng 13.000.000đ; trong đó Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 7.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

28/ Bồi thường cho bà Phạm Thị H5 tổng cộng 13.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 7.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

29/ Bồi thường cho ông Trần Văn T2 tổng cộng 14.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 7.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 7.000.000đ;

30/ Bồi thường cho ông Nguyễn Văn N2 tổng cộng 13.000.000đ; trong đó Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 7.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

31/ Bồi thường cho ông Trương Đình Hoàn T4 tổng cộng 15.000.000đ; trong đó Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 9.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

32/ Bồi thường cho ông Lê Minh V1 tổng cộng 18.000.000đ; trong đó Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 7.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 11.000.000đ.

33/ Bồi thường cho ông Phạm Tiến N3 tổng cộng 13.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 7.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

34/ Bồi thường cho bà Võ Thị Thanh T tổng cộng 35.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 19.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 16.000.000đ.

35/ Bồi thường cho bà Hồ Thị Thu H tổng cộng 23.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 19.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường

4.000.000đ.

36/ Bồi thường cho ông Nguyễn Viết Q tổng cộng 23.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 18.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 5.000.000đ.

37/ Bồi thường cho ông Nguyễn Viết S tổng cộng 9.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 8.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 1.000.000đ.

38/ Bồi thường cho bà Lê Thị T4 tổng cộng 9.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 6.500.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 2.500.000đ.

39/ Bồi thường cho bà Lê Thị H2 tổng cộng 15.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 9.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

40/ Bồi thường cho ông Nguyễn Anh T3 tổng cộng 30.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 19.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 11.000.000đ.

41/ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hoa tổng cộng 15.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 9.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 6.000.000đ.

42/ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu K và bà Nguyễn Thị Duyên C tổng cộng 28.000.000đ; trong đó, Huỳnh Thị Thiên N bồi thường 10.000.000đ, ông Nguyễn M bồi thường 18.000.000đ.

Buộc Huỳnh Thị Thiên N bồi thường cho ông Nguyễn M 38.000.000đ, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích T6 20.000.000đ, bồi thường cho bà Phan Thị Thúy A 17.000.000đ.

Tổng cộng bị cáo N phải bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 720.500.000đ; đã thu để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo là 74.200.000đ, còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 646.300.000đ. Ông Nguyễn M phải bồi thường là 348.500.000đ, đã nộp lại 140.300.000đ, còn lại buộc ông M tiếp tục bồi thường số tiền là 208.200.000đ.

Trường hợp người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật

tổ tụng hình sự 2015; Tiếp tục tạm giữ số tiền 16.700.000đ thu của Huỳnh Thị Thiên N, số tiền 36.500.000đ thu của Trần anh P T5, số tiền 4.000.000đ thu của Đoàn Thị T7, số tiền 7.000.000đ thu của Nguyễn Ngọc H1 và quy trừ các tài sản gồm: xe mô tô hiệu LEAD màu vàng đen Biển kiểm soát 43R2-1442, số khung 534237, số máy 071025 cùng Giấy đăng ký xe mang tên Lê Thị Xuân Thanh; 03 điện thoại di động thu giữ của bị cáo (01 điện thoại FPT màu đen; 01 điện thoại Xphone màu đen; 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng) để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo Huỳnh Thị Thiên N; Tiếp tục tạm giữ số tiền 140.300.000đ thu của ông Nguyễn M và quy trừ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen thu giữ của ông M để đảm bảo thi hành án đối với ông Nguyễn M.

Trả lại cho Huỳnh Thị Thiên N 01 chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị Thiên N

Trả lại cho Đoàn Thị T7 01 điện thoại di động hiệu Samsung;

Trả lại cho Trần anh P T5 01 điện thoại di động hiệu FPT màu đen;

Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu bằng nhựa màu đỏ trắng đen có dòng chữ “Tổng Công ty dệt may H, quận C, thành phố Đà Nẵng, MSDN 0400101556”.

Tiếp tục lưu giữ các giấy tờ nhận tiền, quyết định tuyển dụng giả, hồ sơ xin việc tại hồ sơ vụ án để phục vụ công tác xét xử, lưu trữ hồ sơ. (Toàn bộ vật chứng đang được tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/6/2017. Riêng đối với số tiền 204.500.000đ hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 03949.0.1054137.00000 của Vp Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng) Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000đ do gia đình bị cáo Huỳnh Thị Thiên N nộp tại Cục thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng theo biên lai thu tiền số 000944 ngày 09/11/2017 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Bị cáo Huỳnh Thị Thiên N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 29.852.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn M phải chịu 10.410.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kháng cáo, kháng nghị và đề nghị :

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 13/QĐ-VC2 ngày 21/02/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại với nhận định “...Nhu vậy, hành vi làm giả quyết định tuyển dụng, khắc dấu giả để lừa dối người xin việc của

Huỳnh Thị Thiên N, Đoàn Thị T7, đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Che giấu tội phạm”, nhưng cấp sơ thẩm không xem xét là bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra, Đoàn Thị T7 còn có dấu hiệu của tội “Che giấu tội phạm” quy định tại Điều 313 Bộ luật hình sự năm 1999”.

- Ngày 05/3/2018, ông Thái V có Văn bản gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị xem xét hành vi “*đồng mưu với N*” của Nguyễn M.

- Ngày 28/02/2018, chị Đoàn Thị T7 gửi tới Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ***Đơn kiến nghị*** cho rằng: Có giúp đỡ N vài việc, nhưng hoàn toàn không biết việc làm của N là lừa đảo người khác để chiếm đoạt tài sản; bản thân đã thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kháng nghị hoặc Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm để T7 không bị khởi tố về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Che giấu tội phạm*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Rút nội dung nhận định tại Quyết định kháng nghị rằng hành vi làm giả quyết định tuyển dụng, khắc dấu giả để lừa dối người xin việc của Huỳnh Thị Thiên N đã cấu thành tội “*Che giấu tội phạm*”; giữ nguyên các nhận định khác trong nội dung Quyết định kháng nghị.

- Luật sư Trương Thị Bích T bào chữa theo chỉ định cho bị cáo N phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo N phạm tội “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt; mức hình phạt 08 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp; vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo N; đối với những người giúp sức cho N nếu có trong việc thực hiện hành vi lừa đảo hoặc làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức thì đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bố tách ra để giải quyết bằng những vụ án khác.

- Đại diện Viện kiểm sát tranh luận lại là ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì N còn phạm vào “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và hành vi phạm tội của N với hành vi của T7 và một số người liên quan khác có quan hệ mật thiết nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng

ng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử toàn bộ vụ án mới đảm bảo công khai, khách quan, đúng pháp luật.

- Bị cáo N nhất trí lời bào chữa của Luật sư; đề nghị Tòa giảm hình phạt cho bị cáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ; mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo N và hành vi của một số người có liên quan như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2015 đến tháng 7/2016, bằng việc đưa ra thông tin gian dối là có khả năng xin nhiều vị trí việc làm tại Tổng Công ty dệt may H thì: Huỳnh Thị Thiên N đã trực tiếp nhận tiền của 02 bị hại với tổng số tiền 45.000.000đ và nhận thông qua trung gian là ông Nguyễn M tổng số tiền 644.500.000đ; ngoài ra, N còn đưa ra thông tin gian dối là có chung cư của người thân cần bán để nhiều người tin tưởng giao cho N 73.000.000đ. Như vậy, bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối bị cáo N đã chiếm đoạt tổng cộng 762.500.000đ là phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 139 Bộ luật hình sự.

Để không bị tố cáo hành vi lừa đảo, N đã nói với T7 sự việc N đã nhận tiền và hồ sơ xin việc của nhiều người, giờ những người xin việc đòi hỏi phải có quyết định tuyển dụng và N muốn kéo dài thêm thời gian để kiếm tiền trả lại những người này nên N nhờ Đoàn Thị T7 giả là người thuộc Phòng tổ chức Tổng công ty Dệt may H ra công gặp những người xin việc sẽ giao quyết định đi làm sau một tuần; đồng thời đưa T7 1.500.000 đồng, nhờ T7 giúp N làm một số quyết định tuyển dụng chung cho tất cả các trường hợp xin việc. Do quyết định không con dấu, chữ ký nên những người xin việc không đồng ý nên ngày 24/7/2015, N tiếp tục đưa cho T7 2.500.000 đồng nhờ T7 làm quyết định tuyển dụng riêng cho từng người; đồng thời thông qua T7, N gặp và nhờ Trần anh P T5 làm giúp N 01 con dấu giả của Tổng công ty dệt may H. Do không thể làm được dấu tròn nên Toàn nhờ Nguyễn Viết A1 làm một con dấu hình chữ nhật, khắc tên Tổng công ty dệt may H và mã số doanh nghiệp (MSDN: 0400101556). Toàn yêu cầu N đưa 35.000.000 đồng để làm con dấu, N đã đưa đủ cho Toàn và còn cho Toàn thêm 1.500.000 đồng; Toàn đã đưa cho Nguyễn Viết A1 12.000.000 đồng để làm dấu. Khi có dấu giả và quyết định tuyển dụng giả, N còn nhờ Toàn ký giả chữ ký của Tổng giám đốc Tổng công ty dệt may H.

Với hành vi nêu trên của N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cấp phúc thẩm xét thấy:

(1). Đối với bị cáo Huỳnh Thị Thiên N:

Bị cáo N đưa ra thông tin gian dối (có khả năng xin được nhiều vị trí việc làm; có chung cư muốn bán) để lừa đảo và đã chiếm đoạt được tài sản của nhiều người nên N đã bị khởi tố, truy tố và xét xử về “*Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội. Sau khi hoàn thành hành vi lừa đảo (chiếm đoạt được tài sản của nhiều người, sử dụng tiêu xài cá nhân) và bị những người nhờ xin việc hỏi thúc nên N tiếp tục có hành vi (chủ mưu) nhờ T7 làm giả Quyết định tuyển dụng của Tổng Công ty Dệt may H, đồng thời thông qua T7 gặp Toàn nhờ Toàn làm giả con dấu của Tổng Công ty Dệt may H; khi đã có quyết định tuyển dụng giả, dấu giả thì N còn nhờ Toàn ký giả tên Tổng giám đốc Tổng Công ty Dệt may H. Như vậy, hành vi của N đã có dấu hiệu phạm vào “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là bỏ lọt tội nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị về nội dung này, hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ hành vi phạm vào “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” của N.

Đối với nội dung Kháng nghị cho rằng N còn có hành vi phạm vào “*Tội che giấu tội phạm*” là không chính xác vì N là chủ thể thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không thể là chủ thể của tội che giấu tội phạm đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do chính N thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa rút nội dung kháng nghị xem xét hành vi phạm tội che giấu tội phạm của N nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xác định N không phạm tội này.

(2). Đối với người liên quan là Đoàn Thị T7 thì:

Sau khi đã hoàn thành hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, để không bị tố cáo N gặp Đoàn Thị T7 kể lại sự việc đã nhận tiền và hồ sơ xin việc của nhiều người, nhờ những người xin việc đòi có quyết định tuyển dụng và N muốn kéo dài thêm thời gian để kiếm tiền trả lại những người này nên N nhờ T7 giả là người của Phòng tổ chức Tổng công ty Dệt may H ra công gặp những người xin việc hứa sẽ giao quyết định tuyển dụng sau một tuần; đồng thời N đưa T7 1.500.000 đồng để nhờ T7 giúp làm một số quyết định tuyển dụng chung cho tất cả các trường hợp xin việc. Do quyết định không con dấu, chữ ký nên những người xin việc không đồng ý nên ngày 24/7/2015, N tiếp tục đưa cho T7 2.500.000 đồng nhờ T7 làm quyết định tuyển dụng riêng cho từng người; T7 đã làm giả giúp N quyết định tuyển dụng riêng cho từng người, đồng thời T7 giới thiệu để N gặp Toàn nhờ Toàn làm giả con dấu của Tổng Công ty Dệt may H.

Như vậy, T7 đã có hành vi che giấu hành vi phạm tội của N và N đã bị truy tố, xét xử theo khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 “*Tội lừa đảo chiếm đoạt*

tài sản” nên hành vi của T7 có dấu hiệu phạm vào “*Tội che giấu tội phạm*” quy định tại Điều 313 Bộ luật hình sự 1999; nhưng T7 chưa bị khởi tố, truy tố về tội này là bỏ lọt tội. Ngoài ra, T7 còn làm giả quyết định tuyển dụng của Tổng công ty Dệt may H, giới thiệu để N gặp Toàn nhờ làm giả con dấu của Tổng công ty Dệt may H nên hành vi của T7 cũng đã có dấu hiệu phạm vào “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 09/2017/HSST-QĐ ngày 20/11/2017 trả hồ sơ để điều tra bổ sung có hay không hành vi phạm “*Tội che giấu tội phạm*” của T7; nhưng chưa trả để điều tra bổ sung có hay không hành vi phạm “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” của T7 và do Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng xác định T7 không có hành vi phạm “*Tội che giấu tội phạm*” nên căn cứ giới hạn xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử vụ án. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy cần chấp nhận nội dung Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại về hành vi phạm vào “*Tội che giấu tội phạm*” và “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” của Đoàn Thị T7.

{3}. Đối với người liên quan là Trần anh P T5 thì:

Trần anh P T5 nhận lời làm giúp N 01 con dấu giả của Tổng Công ty Dệt may H với giá 35.000.000 đồng và N đã giao đủ tiền ngay cho Toàn. Do không làm được dấu tròn nên Toàn nhờ Nguyễn Việt A1 làm một dấu hình chữ nhật, khắc tên Tổng Công ty Dệt may H có mã số doanh nghiệp (MSDN: 0400101556) với giá 12.000.000 đồng. Sau khi giao dấu giả cho N thì Toàn còn được N cho thêm 1.500.000 đồng và Toàn còn giúp N ký giả chữ ký của Tổng giám đốc Tổng Công ty Dệt may H. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 09/2017/HSST-QĐ ngày 20/11/2017 trả hồ sơ để điều tra bổ sung có hay không hành vi phạm “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” của Trần anh P T5; nhưng tại Công văn số 394/CV-VKS-P3 ngày 27/11/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng trả hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng với kết luận không có cơ sở xác định Toàn có hành vi phạm “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” vì Toàn không biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người xin việc của N mà việc Toàn làm giả con dấu giúp N chỉ với “*mục đích giúp N kéo dài thời gian kiểm tiền trả lại cho những người xin việc*”. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét nội dung Công văn 394/CV-VKS-P3 ngày 27/11/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xác định chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện Toàn làm giả con dấu giúp N với “*mục đích giúp N kéo dài thời gian kiểm tiền trả lại cho những người xin việc*”; như vậy, khi làm giả con dấu giúp N, Toàn biết N không có khả năng xin việc, nhưng N đã nhận tiền và

hứa xin việc cho nhiều người; ngoài ra, Toàn còn giúp N ký giả chữ ký của Tổng giám đốc Tổng Công ty Dệt may H nhằm “lừa dối” những người xin việc. Với các hành vi nêu trên của Toàn đã có dấu hiệu phạm vào “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại Điều 267 Bộ luật hình sự 1999 nên cấp phúc thẩm yêu cầu khi về giải quyết lại vụ án cần điều tra lại hành vi có dấu hiệu phạm vào “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” của Trần anh P T5.

{4}. Đối với người liên quan là Nguyễn Viết A1 thì:

Nguyễn Viết A1 đã nhận của Trần anh P T5 12.000.000 đồng để làm giúp Toàn một dấu hình chữ nhật, khắc tên Tổng Công ty Dệt may H có mã số doanh nghiệp (MSDN: 0400101556). Cơ quan điều tra chưa làm rõ khi làm giả con dấu giúp Toàn thì Nguyễn Viết A1 có được Toàn thông báo mục đích Toàn nhờ Anh làm giả dấu là để “*giúp N kéo dài thời gian kiểm tiền trả lại cho những người xin việc*” hay không? nếu Anh không được Toàn thông báo thì nhận thức của Nguyễn Viết A1 như thế nào khi làm giả con dấu của Tổng Công ty Dệt may H có mã số doanh nghiệp (MSDN: 0400101556)? Những vấn đề này chưa được điều tra làm rõ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm yêu cầu khi về giải quyết lại vụ án cần điều tra lại về hành vi phạm vào “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại Điều 267 Bộ luật hình sự 1999 của Nguyễn Viết A1.

(5). Đối với đề nghị của người bị hại là ông Thái V yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hành vi của Nguyễn M đồng phạm với bị cáo Huỳnh Thị Thiên N phạm vào “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: (i). Trước khi xét xử sơ thẩm thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 09/2017/HSST-QĐ ngày 20/11/2017 trả hồ sơ để điều tra bổ sung hành vi đồng phạm chiếm đoạt tài sản của Nguyễn M với bị cáo N. Tại Công văn số 394/CV-VKS-P3 ngày 27/11/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã trả lời Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng là không có cơ sở xác định Nguyễn M đồng phạm với bị cáo Huỳnh Thị Thiên N về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” vì N khai sau khi giao quyết định tuyển dụng giả cho những người xin việc (gồm cả quyết định tuyển dụng giả đối với con dâu của ông Nguyễn M) thì hôm sau N mới nói với ông M biết mình không có khả năng xin việc làm; còn ông M cũng khai sau khi nhận quyết định tuyển dụng cho con dâu đến chiều mới biết là quyết định giả và biết N lừa xin việc; (ii). Mặt khác, do tin N có khả năng xin việc làm nên ông M đã dùng tiền của mình cho chị Nguyễn Thị N2, anh Trần Văn B, ông Nguyễn Văn L mượn để giao cho N nhờ N xin việc làm cho những người này, đồng thời ông M còn đưa tiền nhờ N xin việc cho con dâu của ông M là Trần Thị H3. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy, không có cơ sở xác định ông Nguyễn M đồng phạm với

bị cáo Huỳnh Thị Thiên N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 139 BLHS 1999 như đề nghị của ông Thái V.

(6). Đối với đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo N tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo N phạm tội “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt; mức hình phạt 08 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp; vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo N; đối với những người giúp sức cho N nếu có trong việc thực hiện hành vi lừa đảo hoặc làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức thì đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bố tách ra để giải quyết bằng những vụ án khác. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Như đã phân tích ở trên thì ngoài hành vi phạm tội “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thì N còn có hành vi phạm vào “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; N bị truy tố, xét xử theo khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 và T7 có thực hiện hành vi che giấu hành vi phạm “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của N nên hành vi của T7 có dấu hiệu phạm vào “*Tội che giấu tội phạm*” quy định tại Điều 313 Bộ luật hình sự 1999 và T7 còn có hành vi phạm vào “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; Toàn và Nguyễn Việt A1 đã thực hiện hành vi có dấu hiệu phạm vào “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo N có quan hệ mật thiết, tiền đề với hành vi có dấu hiệu phạm tội của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy cần phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại toàn bộ vụ án mới đảm bảo tính rõ ràng, công bằng, khách quan theo đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 và khoản 5 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên xử:

(1). Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra lại về hành vi “*Che giấu tội phạm*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” như phân tích trên;

(2). Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung;

(3). Tiếp tục tạm giam bị cáo Huỳnh Thị Thiên N cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thụ lý lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng (kèm hồ sơ vụ án để điều tra lại theo thủ tục chung);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Hòa Sơn - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân